BIỂU PHÍ DỊCH VỤ TÀI KHOẢN ÁP DỤNG ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN VÀ HỘ KINH DOANH TẠI NGÂN HÀNG TMCP ĐÔNG NAM Á

HẠNG MỤC PHÍ			MỨC PHÍ		
			Tỷ lệ	Tối thiểu	Tối đa
CHƯƠNG A. GIAO DỊCH TIỀN MẶT					
I	**TIỀN MẶT VND**				
1	**Nộp tiền vào Tài khoản**				
	Đối với Khách hàng thường				
1.1	Khác Tỉnh, Thành phố nơi quản lý Tài khoản hiện tại		0.022%/ giá trị giao dịch	16,500 đồng	1,100,000 đồng
	Đối với Khách hàng ưu tiên				
1.2	Khác Tỉnh, Thành phố nơi quản lý Tài khoản hiện tại		Miễn phí nộp tiền khác Tỉnh, Thành phố nơi quản lý tài khoản hiện tại ** Áp dụng với KH đăng ký gói SeAPremium*		
2	**Rút tiền mặt từ Tài khoản**				
	Đối với Khách hàng thường				
2.1	Rút tiền mặt từ Tài khoản thanh toán mở tại SeABank				
	Khác Tỉnh, Thành phố nơi quản lý Tài khoản hiện tại		0.022%/ giá trị giao dịch	16,500 đồng	1,100,000 đồng
2.2	Rút tiền mặt từ Tài khoản thanh toán mở tại SeABank trong vòng 2 ngày làm việc kể từ ngày nộp tiền mặt/ nhận chuyển khoản từ ngoài hệ thống vào Tài khoản.				
	a	Cùng Tỉnh, Thành phố nơi quản lý Tài khoản hiện tại	Ngoài phí rút tiền tại mục A.I.2.1 thu thêm phí kiểm đếm tại mục H.I.1.1.1		
	b	Khác Tỉnh, Thành phố nơi quản lý Tài khoản hiện tại			
	Đối với Khách hàng ưu tiên				
2.3	Rút tiền mặt từ Tài khoản thanh toán mở tại SeABank				
	Khác Tỉnh, Thành phố nơi quản lý Tài khoản hiện tại		Miễn phí rút tiền khác Tỉnh, Thành phố nơi quản lý tài khoản hiện tại ** Áp dụng với KH đăng ký gói SeAPremium*		
2.4	Rút tiền mặt từ Tài khoản thanh toán mở tại SeABank trong vòng 2 ngày làm việc kể từ ngày nộp tiền mặt/ nhận chuyển khoản từ ngoài hệ thống vào Tài khoản.				
	a	Cùng Tỉnh, Thành phố nơi quản lý Tài khoản hiện tại	Miễn phí ** Áp dụng với KH đăng ký gói SeAPremium*		
	b	Khác Tỉnh, Thành phố nơi quản lý Tài khoản hiện tại			

Lưu ý:

- "02 ngày làm việc kể từ ngày nộp tiền mặt/nhận chuyển khoản từ ngoài hệ thống vào Tài khoản" được hiểu là ngày mà Tài khoản được ghi có và ngày làm việc kế tiếp liền kề. Ngày làm việc được SeABank quy định trong từng thời kỳ.

Ví dụ: Theo quy định, SeABank làm việc từ thứ 2 đến thứ 6. Thứ 7, chủ nhật và ngày lễ, tết không được tính là ngày làm việc. Tài khoản của KH ghi có khoản tiền từ ngoài hệ thống SeABank vào thứ sáu (8/5/2020), đến ngày thứ 2 (11/05/2020) khách hàng đến rút tiền, trường hợp này khách hàng vẫn phải chịu phí. Từ ngày thứ 3 (12/05/2020) trở đi, khách hàng rút tiền không phải chịu phí

- Miễn phí đối với các giao dịch Nộp tiền vào Tài khoản hoặc Rút tiền từ Tài khoản thanh toán khác Tỉnh/ Thành phố nơi quản lý Tài khoản hiện tại và miễn phí đối với các giao dịch Rút tiền từ Tài khoản thanh toán trong vòng 2 ngày làm việc kể từ ngày nộp tiền mặt/ nhận chuyển khoản từ ngoài hệ thống vào Tài khoản. Nếu việc nộp/rút tiền thỏa mãn các điều kiện sau:

+ Tài khoản thanh toán rút tiền là Tài khoản hưu trí; hoặc

+ Việc nộp/ rút để thực hiện các giao dịch của chính khách hàng tại thời điểm nộp/rút để: Gửi tiết kiệm có kỳ hạn/ mua Giấy tờ có giá/chuyển tiền Quốc tế/ giao dịch Vàng và Ngoại tệ/ thanh toán các khoản vay/ thẻ Tín dụng tại SeABank; hoặc

+ Rút tiền từ TKTT ngay trong ngày tất toán STK/CCTG/HĐTG mở tại quầy giao dịch ; hoặc

+ Việc nộp/rút tiền để thực hiện giao dịch của khách hàng với các đơn vị có liên kết với SeABank gồm: thanh toán hóa đơn/thanh toán phí bảo hiểm/ nạp tiền điện thoại tại quầy/ nộp phí tư vấn giá vào TK của Công ty tư vấn và thẩm định giá/ thanh toán các khoản phí khác...(Thu phí đối với số tiền vượt quá số tiền cần thanh toán).

II	**TIỀN MẶT NGOẠI TỆ**					
1	**Nộp tiền mặt vào tài khoản ngoại tệ**					
1.1	USD					
	a	Mệnh giá tờ > = 50 USD	0.165%/ giá trị giao dịch	2.2 USD	550 USD	
	b	Mệnh giá tờ = < 20 USD	0.22%/ giá trị giao dịch	2.2 USD	550 USD	
1.2	EUR		0.44%/ giá trị giao dịch	2.2 EUR	550 EUR	
	Lưu ý: Trường hợp Số tiền Khách hàng nộp có chứa mệnh giá 500 EUR thì ngoài phí Nộp tiền như thông thường, Khách hàng thanh toán thêm Phí thu hồi đồng ngoại tệ 500 EUR (do đồng 500 EUR đã bị thu hồi, không còn được lưu thông tại thị trường Châu Âu, EU). Phí thu hồi: 0.55% * Tổng giá trị giao dịch của mệnh giá 500 EUR (Phí thu hồi không có mức tối đa)					
1.3	Ngoại tệ khác		0.55%/ giá trị giao dịch	4.4 USD	550 USD	
	Phí kiểm soát tiền giả (Áp dụng đối với khách hàng bán USD tiền mặt)		Áp dụng theo quy định của Ban TGĐ từng thời kỳ			
2	**Rút tiền từ Tài khoản thanh toán mở tại SeaBank**					
2.1	Rút từ TKTT bằng ngoại tệ (USD, EUR) trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày tài khoản ghi có		0.275%/giá trị giao dịch	2.2 USD/ 2.2 EUR		

HẠNG MỤC PHÍ				MỨC PHÍ		
				Tỷ lệ	Tối thiểu	Tối đa
		2.2	Rút từ TKTT bằng ngoại tệ (USD, EUR) sau 02 ngày làm việc kể từ ngày tài khoản ghi có	0.22%/giá trị giao dịch	2.2 USD/ 2.2 EUR	
	3		**Phí Thu xếp ngoại tệ mặt** (Áp dụng đối với khách hàng mua USD tiền mặt)	Áp dụng theo quy định của Ban Tổng Giám đốc từng thời kỳ		
	Lưu ý: - Đối với các loại ngoại tệ khác, thực hiện quy đổi sang USD theo tỷ giá mua chuyển khoản ngoại tệ của SeABank tại thời điểm giao dịch. - ĐVKD đảm bảo tỷ giá bán ngoại tệ + phí không vượt trần tỷ giá mua bán ngoại tệ theo quy định của NHNN - Theo quy định hiện tại của SeABank, ngày làm việc được tính từ thứ 2 đến thứ 6. Thứ 7 và chủ nhật và ngày lễ tết không được tính là ngày làm việc - Miễn phí giao dịch nộp tiền mặt ngoại tệ vào Tài khoản để gửi Tiết kiệm, nộp số dư duy trì tài khoản hoặc rút tiền mặt ngoại tệ từ tài khoản để gửi Tiết kiệm, mua bán ngoại tệ của chính khách hàng tại SeABank (Chỉ miễn phí nếu giao dịch nộp/ rút tiền và giao dịch gửi Tiết kiệm, mua bán ngoại tệ được hạch toán trong cùng ngày và chỉ miễn trên phần tiền dùng để gửi Tiết kiệm, duy trì số dư duy trì tài khoản, mua bán ngoại tệ) - Miễn phí giao dịch rút tiền mặt ngoại tệ khi khách hàng tất toán sổ tiết kiệm trả vào tài khoản thanh toán.			
CHƯƠNG B. GIAO DỊCH TÀI KHOẢN						
I	**Mở và quản lý tài khoản**					
	1		Phí quản lý Tài khoản thanh toán (không gắn kết HMTC)			
		1.1	Phí quản lý tài khoản hoạt động của tài khoản thanh toán (hệ thống thu tự động)	7.700 đồng/0.55 USD/ 0.55 EUR/ tháng		
		1.2	Phí quản lý tài khoản hoạt động của tài khoản thanh toán (ĐVKD thu tại quầy)	7.700 đồng/0.55 USD/ 0.55 EUR/ tháng		
			Lưu ý: Miễn phí với Tài khoản thanh toán SeAUpper; TKTT thuộc Gói SeASuper/Gói SeAPremium; TKTT của KH < 15 tuổi mở theo yêu cầu của sản phẩm tiết kiệm gửi góp Ươm mầm ước mơ.			
		1.3	Phí quản lý tài khoản không hoạt động (hệ thống thu tự động)	16.500 đồng/ 2.2 USD/ 2.2 EUR/ tháng		
		1.4	Phí quản lý tài khoản không hoạt động (ĐVKD thu tại quầy)	16.500 đồng/ 2.2 USD/ 2.2 EUR/ tháng		
			Lưu ý: Miễn phí với TKTT của KHƯT; TKTT gắn với Tài khoản nhận lãi khoản tiền gửi có kỳ hạn/khoản tiền gửi tiết kiệm còn hiệu lực; TKTT gắn với tài khoản nộp gốc tiết kiệm gửi góp còn hiệu lực			
II	**Đóng tài khoản**					
	1		Đóng tài khoản thông thường (không phải là TKTT số đẹp/ số tùy chọn)	55.000 đồng/ 2.2 USD/EUR		
			Lưu ý: Miễn phí đối với các trường hợp: - TKTT của KH < 15 tuổi mở theo yêu cầu của sản phẩm tiết kiệm gửi góp Ươm mầm ước mơ - Khách hàng sở hữu Tài khoản thanh toán số đẹp			
	2		Đóng tài khoản Số đẹp mở theo hình thức Thu phí hoặc tài khoản Số đẹp mở theo hình thức Cam kết duy trì Số dư tối thiểu (Đã duy trì đủ thời gian cam kết)	110.000 đồng		
	3		Đóng tài khoản Số đẹp mở theo hình thức Cam kết duy trì Số dư tối thiểu (Chưa duy trì đủ thời gian cam kết)	10% phí tại mục phí N.I tại thời điểm đóng theo đúng loại V của TKTT đóng	110.000 đồng	
III	**Sao kê Tài khoản (Có xác nhận của Ngân hàng)**			22.000 đồng/ tháng + 11.000đ/ tháng từ bản tiếp theo		
IV	**Sổ phụ ngày gửi đến địa chỉ khách hàng yêu cầu**			22.000 đồng + bưu phí		
V	**Xác nhận số dư Tài khoản thanh toán**					
	1		Bằng Tiếng Việt	55.000 đồng/lần/ tối đa 02 bản + 11.000 đồng/bản tiếp theo		
	2		Bằng Tiếng Anh/ Song ngữ	110.000 đồng/lần/ tối đa 02 bản + 33.000 đồng/ bản tiếp theo		
VI	**Phong tỏa/ tạm khóa Tài khoản** (Ngoài mục đích vay vốn tại SeABank)			110.000 đồng/ lần		
VII	**Sao lục chứng từ gốc**					
	1		Chứng từ phát sinh trong vòng 1 tháng kể từ ngày phát sinh giao dịch/ngày mở/tất toán khoản vay đến ngày KH yêu cầu sao lục	33.000 đồng/ 1 chứng từ/ 01 bản		
	2		Chứng từ phát sinh quá 1 tháng kể từ ngày phát sinh giao dịch/ngày mở/tất toán khoản vay đến ngày KH yêu cầu sao lục	55.000 đồng/ 1 chứng từ/ 01 bản		
VIII	**Fax sao kê Tài khoản, chứng từ**			11.000 đồng/ trang		
CHƯƠNG C. GIAO DỊCH CHUYỂN TIỀN						
I	**GIAO DỊCH CHUYỂN TIỀN TRONG NƯỚC**					
	1		Chuyển bằng VND			
		1.1	Chuyển tiền đến trong nước (phí thu của người thụ hưởng)			
			Nhận bằng Giấy tờ tùy thân (Chứng minh thư/ Thẻ Căn cước/ Hộ chiếu)	0.033%/giá trị giao dịch	11,000 đồng	1,100,000 đồng
			Đối với Khách hàng thường			
		1.2	Chuyển tiền đi trong nước (phí thu của người chuyển)			
			a Trong hệ thống			

HẠNG MỤC PHÍ						MỨC PHÍ		
						Tỷ lệ	Tối thiểu	Tối đa
				-	Chuyển tiền đi từ Tài khoản thanh toán (TKTT) cho người nhận bằng TKTT số tiền >=500 triệu đồng	9.900 đồng/giao dịch		
					Lưu ý: Miễn phí đối với các trường hợp: - Chuyển tiền cùng chủ Tài khoản để giao dịch thanh toán các khoản vay, thẻ tín dụng, gửi tiết kiệm của chính khách hàng (Thu phí đối với số tiền chuyển vượt quá số tiền cần thanh toán). - Người nhận dùng toàn bộ số tiền đó để gửi tiết kiệm có kỳ hạn, mua giấy tờ có giá (Thu phí đối với số tiền chuyển vượt quá số tiền dùng để gửi tiết kiệm hoặc mua giấy tờ có giá)			
				-	Chuyển tiền đi từ TKTT cho người nhận bằng Giấy tờ tùy thân	0.022%/giá trị giao dịch	11,000 đồng	550,000 đồng
				-	Nộp tiền mặt chuyển đi cho người nhận bằng Giấy tờ tùy thân	0.033%/giá trị giao dịch	22,000 đồng	1,100,000 đồng
			b	Ngoài hệ thống				
				-	Chuyển tiền đi từ Tài khoản thanh toán bằng hình thức chuyển tiền thường			
					+ Số tiền <500 triệu đồng			
					• Giao dịch từ 14h30 trở về trước	0.033%/giá trị giao dịch	11,000 đồng	1,100,000 đồng
					• Giao dịch sau 14h30	0.0385%/giá trị giao dịch	22,000 đồng	1,100,000 đồng
					+ Số tiền > = 500 triệu đồng	0.0385%/giá trị giao dịch	22,000 đồng	1,100,000 đồng
				-	Chuyển tiền đi từ Tài khoản thanh toán (TKTT) bằng hình thức chuyển tiền nhanh qua Napas (Chỉ áp dụng số tiền dưới 500 triệu đồng và tối thiểu là 2,000 đồng)(*)			
					+ Số tiền <500 triệu đồng			
					• Giao dịch từ 14h30 trở về trước	0.033%/giá trị giao dịch	11,000 đồng	1,100,000 đồng
					• Giao dịch sau 14h30	0.0385%/giá trị giao dịch	22,000 đồng	1,100,000 đồng
					Lưu ý: - Thời gian giao dịch được tính là thời gian đơn vị nhận chứng từ của khách hàng. - (*)Chuyển tiền nhanh là dịch vụ cho phép chuyển tiền liên ngân hàng từ tài khoản của khách hàng tại SeABank và nhận tiền chuyển đến ngay lập tức thông qua hệ thống Napas bằng loại tiền Việt Nam đồng. Hạn mức chuyển tiền nhanh qua Napas tại quầy trên lần nhỏ hơn 500 triệu đồng và không giới hạn trên ngày để thực hiện các mục đích khác nhau của KH như: Thanh toán tiền hàng cho nhà cung cấp, thanh toán hoa hồng, thanh toán hàng hóa, dịch vụ...			
				-	Nộp tiền mặt chuyển đi	0.055%/giá trị giao dịch	27,500 đồng	3,300,000 đồng
		1.3	Chuyển tiền đi từ tài khoản thanh toán trong vòng 02 (hai) ngày làm việc kể từ khi nộp tiền mặt vào Tài khoản			Ngoài phí chuyển tiền tại mục C.I.1.1.2 thu thêm phí kiểm đếm tại mục H.I.1.1.1		
			Lưu ý: Miễn phí kiểm đếm đối với các trường hợp: - Chuyển tiền cùng chủ Tài khoản để giao dịch thanh toán các khoản vay, thẻ tín dụng của chính khách hàng (Thu phí đối với số tiền chuyển vượt quá số tiền cần thanh toán). - Người nhận dùng toàn bộ số tiền đó để gửi tiết kiệm có kỳ hạn, mua giấy tờ có giá (Thu phí đối với số tiền chuyển vượt quá số tiền dùng để gửi tiết kiệm, hoặc mua giấy tờ có giá)					
		1.4	Tra soát, điều chỉnh, hủy lệnh chuyển tiền, (bao gồm lệnh thanh toán trên kênh Ngân hàng Điện tử)			27.500 đồng/lần		
			Lưu ý: Đối với lệnh tra soát chỉ thu phí nếu Khách hàng tra soát sai					
		Đối với Khách hàng ưu tiên						
		1.5	Chuyển khoản đi trong nước			Giảm 30% phí chuyển tiền trong nước cho mọi giao dịch *(Nếu mức phí sau giảm vẫn lớn hơn mức phí tối đa của quy định biểu phí dịch vụ Ngân hàng áp dụng cho khách hàng cá nhân và hộ kinh doanh tại Ngân hàng TMCP Đông Nam Á thì sẽ thực hiện thu bằng mức phí tối đa trong biểu phí dịch vụ tại thời điểm hạch toán.)*		
	2	**Chuyển bằng ngoại tệ** (Chỉ áp dụng đối với những khách hàng được phép thực hiện các giao dịch bằng ngoại tệ theo quy định về ngoại hối của Nhà nước)						
		2.1	Chuyển khoản đi trong nước					
			a	Trong hệ thống		0.011%/giá trị giao dịch	1.1 USD	22 USD
			b	Ngoài hệ thống				
				-	Loại tiền USD	0.033%/giá trị giao dịch	2.2 USD	55 USD
				-	Loại ngoại tệ khác	0.066%/giá trị giao dịch	6.6 USD	110 USD
		2.2	Phí Quản lý tiền tệ (Áp dụng đối với khách hàng bán USD chuyển khoản)			Áp dụng theo quy định của Ban Tổng Giám đốc từng thời kỳ.		
		2.3	Phí điện khẩn (Áp dụng đối với khách hàng mua USD chuyển khoản)					
		2.4	Tra soát, điều chỉnh, hủy lệnh chuyển tiền bằng ngoại tệ.			5.5 USD/lần		
III	**DỊCH VỤ ỦY THÁC TRẢ LƯƠNG QUA TÀI KHOẢN** (Thu từ tài khoản chuyển tiền trả lương)							

		HẠNG MỤC PHÍ	MỨC PHÍ		
			Tỷ lệ	Tối thiểu	Tối đa
	1	Trả lương cho tài khoản mở tại SeABank	2.750 đồng/ tài khoản/ lần		
	2	Trả lương cho tài khoản ngoài hệ thống SeABank	Áp dụng mức phí trả lương tương ứng tại mục C.III.1 của biểu phí này + Phí chuyển tiền ngoài hệ thống (22,000 đồng/ tài khoản)		
IV	**DỊCH VỤ ỦY NHIỆM CHI TỰ ĐỘNG**				
		Chuyển tiền Định kỳ	Áp dụng mức phí chuyển tiền tương ứng tại mục C của biểu phí này		
V	**DỊCH VỤ CHUYỂN TIỀN TRONG NƯỚC THEO LÔ VNĐ**				
	1	**Chuyển tiền theo lô cho tài khoản nhận mở tại SeABank**	2.750 đồng/ tài khoản nhận/ lần	27,500 đồng/lô chuyển tiền	
	2	**Chuyển tiền theo lô cho tài khoản nhận mở ngoài hệ thống SeABank**	Áp dụng mức phí chuyển tiền theo lô tương ứng tại mục C.V.1 của biểu phí này + Phí chuyển tiền ngoài hệ thống (22,000 đồng/ Tài khoản nhận/lần)	110,000 đồng/lô chuyển tiền	
	Lưu ý: 1. Nếu Khách hàng chuyển tiền theo lô cho cả Tài khoản nhận mở tại SeABank và Tài khoản nhận mở ngoài SeABank thì mức min Phí Chuyển tiền trong nước theo lô được áp dụng theo mức phí Min và hạch toán theo mã phí tại mục C.V.2 2. Cách tính phí phí Chuyển tiền theo lô: VD1: Khách hàng chuyển tiền đi trong nước theo lô cho 8 tài khoản nhận mở tại SeAbank. Phí dịch vụ CTTL được tính = 2,750 đồng * 8 = 22,000 đồng < Mức phí min -> Thu phí theo mức min là: 27,500 đồng VD2: Khách hàng chuyển tiền đi trong nước theo lô cho 50 tài khoản, trong đó có 10 tài khoản nhận là TK ngoài hệ thống và 40 tài khoản nhận mở tại SeABank Phí dịch vụ CTTL được tính = 2,750 * 40 + (2,750+22,000)*10 = 357,500 đồng > Mức phí min -> Thu phí là: 357,500 đồng VD3: Khách hàng chuyển tiền đi trong nước theo lô cho 8 tài khoản, trong đó có 2 tài khoản nhận là TK ngoài hệ thống và 6 tài khoản nhận mở tại SeABank Phí dịch vụ CTTL được tính = 2,750*6 + (2,750+22,000)*2 = 66,000 đồng < min 110,000 đồng -> Thu phí theo mức min là: 110,000 đồng				
	3	**Chuyển tiền theo lô đi từ tài khoản thanh toán trong vòng 2 (hai) ngày làm việc kể từ khi nộp tiền mặt vào tài khoản;**	Ngoài phí chuyển tiền theo lô tại mục C.V.1 và C.V.2 thu thêm phí kiểm đếm tại mục H.I.1.1.1		
CHƯƠNG D. TÀI KHOẢN SEAUPPER					
	1	**Phí quản lý TK (Thu trong trường hợp khách hàng không duy trì được số dư bình quân Min hàng tháng)**			
		1.1 SeaUpper thông thường	22.000 đồng/tháng		
		1.2 SeaUpper cao cấp	55.000 đồng/tháng		
	2	**Phí chấm dứt sử dụng tài khoản**			
		2.1 SeaUpper thông thường	55.000 đồng/tháng		
		2.2 SeaUpper cao cấp	110.000 đồng/tháng		
CHƯƠNG D. GÓI TÀI KHOẢN					
I	**Gói tài khoản SeASuper**				
	1	Phí quản lý TK (Thu trong trường hợp khách hàng không duy trì được số dư bình quân Min hàng tháng)			
		1.1 SeaSuper Classic	38,500 đồng/tháng		
		1.2 SeaSuper Gold	66,000 đồng/tháng		
	2	Phí duy trì gói			
		2.1 SeaSuper Classic	110,000 VND/ năm		
		2.2 SeaSuper Gold	Miễn phí		
II	**Gói tài khoản SeAPremium (dành riêng cho Khách hàng ưu tiên)**				
	1	Phí mở gói	Miễn phí		
	2	Phí quản lý gói	Miễn phí		
	3	Phí duy trì gói	**Miễn phí.** Nếu Khách hàng không còn là Hội viên DV NHUT, ĐVKD thực hiện thu phí: **165,000 VND/năm.**		
	4	Phí chấm dứt sử dụng (đóng) gói	Miễn phí		
CHƯƠNG E. GIAO DỊCH SÉC					
	1	**Phát hành Séc**	22.000 đồng/ quyển		
	2	**Bảo chi Séc**	22.000 đồng/ tờ		

HẠNG MỤC PHÍ				MỨC PHÍ		
				Tỷ lệ	Tối thiểu	Tối đa
	3	**Thu hộ Séc**				
		3.1	SeABank phát hành	11.000 đồng/ tờ		
		3.2	Ngân hàng khác trong nước phát hành	22.000 đồng/ tờ		
		3.3	Ngân hàng nước ngoài phát hành			
			a Phí gửi Séc	Phí thực tế phát sinh	2.2 USD/ EUR	
			b Thanh toán kết quả nhờ thu	0.22 %/giá trị giao dịch	5.5 USD/EUR	110 USD/ EUR
	4	**Thông báo Séc không đủ khả năng thanh toán hoặc Séc nhờ thu bị từ chối**		55.000 đồng/ lần		
	5	**Thu, đổi Séc du lịch** (tính theo đơn vị tờ Séc giao dịch) (nếu có)				
		5.1	Thu đổi Séc du lịch trả tiền vào Tài khoản	0.55%/giá trị giao dịch	2.2 USD/ EUR	110 USD/ EUR
		5.2	Thu đổi Séc du lịch trả tiền mặt bằng VNĐ	1.1%/giá trị giao dịch	2.2 USD/ EUR	110 USD/ EUR
		5.3	Thu đổi Séc du lịch trả tiền mặt bằng USD/EUR	2.2%/giá trị giao dịch	2.2 USD/ EUR	110 USD/ EUR
	6	**Lệnh ngừng thanh toán Séc/ Hủy lệnh thanh toán Séc**		22.000 đồng/ lần		
	6	**Phí thông báo mất Séc**		55,000 đồng/ lần/ Séc		
CHƯƠNG F. DỊCH VỤ NGÂN QUỸ						
I	**KIỂM ĐẾM**					
	1	**Phí kiểm đếm**				
		Đối với Khách hàng thường				
		1.1	VNĐ	0.033 %/ Số tiền chịu phí	27,500 đồng	1,650,000 đồng
		1.2	Ngoại tệ	0.044%/ Số tiền chịu phí	2.2 USD/EUR	110 USD/EUR
		Đối với khách hàng ưu tiên				
		1.3	Phí kiểm đếm	Miễn phí kiểm đếm khi rút/chuyển tiền trong vòng 2 ngày làm việc kể từ ngày nộp tiền mặt/ nhận chuyển khoản từ ngoài hệ thống vào Tài khoản. * Áp dụng với KH đăng ký gói SeAPremium		
	Lưu ý: - Không tính phí kiểm đếm đối với khoản tiền chuyển khoản, rút tiền trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày nộp tiền mặt vào tài khoản trong trường hợp giao dịch nộp tiền thực tế không phát sinh tiền mặt cần kiểm đếm như: Tất toán Sổ tiết kiệm/Giấy tờ có giá tại SeABank và nộp ngay vào TK; hoặc được SeABank giải ngân bằng tiền mặt và nộp ngay vào tài khoản…) hoặc khoản tiền chuyển khoản, rút tiền nhằm mục đích người nhận dùng toàn bộ số tiền đó để gửi tiết kiệm có kỳ hạn, mua giấy tờ có giá. - Số tiền chịu phí là số tiền sau khi đã trừ đi các khoản tiền mà Khách hàng được miễn phí kiểm đếm và chỉ tính trên phần tiền giao dịch vượt 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) hoặc 500 USD/EUR trở lên (trong ngày); VD: Khách hàng rút 50 triệu đồng, trong đó có 20 triệu là tiền vừa tất toán Sổ tiết kiệm vào Tài khoản Số tiền chịu phí được tính = 50 triệu đồng - 20 triệu đồng - 10 triệu đồng = 20 triệu đồng					
	2	**Phí kiểm đếm hộ VNĐ**				
		2.1	Kiểm đếm hộ khách hàng tại trụ sở Ngân hàng			
			a Mệnh giá tờ > = 50.000 đ	0.033% giá trị giao dịch	110,000 đồng	1,100,000 đồng
			b Mệnh giá tờ = < 20.000 đ	0.055% giá trị giao dịch	110,000 đồng	1,100,000 đồng
		2.2	Kiểm đếm hộ khách hàng tại nơi khách hàng yêu cầu	Theo thỏa thuận nhưng không thấp hơn mức phí kiểm đếm tại mục H.I.2.1		
	3	**Phí kiểm đếm, kiểm định hộ ngoại tệ (USD/EUR)**				
		3.1	Kiểm đếm, kiểm định hộ khách hàng tại trụ sở Ngân hàng	1.1 %/ giá trị giao dịch.	5.5 USD/EUR	110 USD/EUR
		3.2	Kiểm đếm, kiểm định hộ khách hàng tại nơi khách hàng yêu cầu	Theo thỏa thuận nhưng không thấp hơn phí kiểm đếm tại mục H.I.3.1		
II	**ĐỔI TIỀN**					
	1	**VNĐ**				
		1.2	Mệnh giá nhỏ lấy mệnh giá lớn	0.11 %/giá trị giao dịch	11,000 đồng	
		1.3	Đổi tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông	Miễn phí		
	2	**Ngoại tệ (USD/EUR)**				
		2.1	Đổi mệnh giá nhỏ lấy mệnh giá lớn USD			
			a Mệnh giá tờ > = 50 USD	2.2 %/giá trị giao dịch	2.2 USD	
			b Mệnh giá tờ < = 20 USD	2.75 %/ giá trị giao dịch	3.3 USD	
		2.2	Đổi EUR	2.75 %/ giá trị giao dịch	3.3 EUR	

HẠNG MỤC PHÍ				MỨC PHÍ		
				Tỷ lệ	Tối thiểu	Tối đa
		2.3	Đổi ngoại tệ không đủ tiêu chuẩn lưu thông (tính theo đơn vị tờ và không thu đổi ngoại tệ rách, mục, nát)	4.4 %/giá trị giao dịch	2.2 USD/EUR	
		Lưu ý: Trường hợp Số tiền Khách hàng đổi có chứa mệnh giá 500 EUR thì ngoài phí Đổi tiền ngoại tệ như thông thường, Khách hàng thanh toán thêm Phí thu hồi đồng ngoại tệ 500 EUR. Phí thu hồi : 0.55% * Tổng giá trị giao dịch của mệnh giá 500 EUR (Phí thu hồi không có mức tối đa)				
III	**THU/CHI HỘ TẠI NƠI KHÁCH HÀNG YÊU CẦU**					
		Đối với Khách hàng thường				
	1	Quãng đường < 10 km		0.044 %/ giá trị giao dịch	110,000 đồng	
	2	Quãng đường từ 10 - 20 km		0.088 %/ giá trị giao dịch	220,000 đồng	
	3	Quãng đường > 20 km		0.11 %/ giá trị giao dịch	660,000 đồng	
		Đối với khách hàng ưu tiên				
	4	Phí dịch vụ thu/trả tiền tại địa điểm yêu cầu		Miễn phí dịch vụ thu/trả tiền tại địa điểm yêu cầu		
CHƯƠNG G. PHẠT VI PHẠM/ PHÍ KHÁC						
I	Dịch vụ khác theo thỏa thuận với Khách hàng			Thu theo thỏa thuận với Khách hàng	33.000 đồng/ giao dịch	
II	Phí tư vấn hồ sơ khác biệt theo quy định của SeABank			Thu theo thỏa thuận với Khách hàng	50.000 đồng/lần	2.000.000 đồng/lần

Lưu ý:
1. Biểu phí trên đã bao gồm thuế Giá trị gia tăng (VAT).
2. Mục phí C.II.2.2.3, Mục phí L.I và L.II không phải thu VAT/không có VAT
3. Các giao dịch không thuộc phạm vi quy định của Biểu phí này sẽ theo Văn bản quy định liên quan khác hoặc thỏa thuận của ĐVKD và khách hàng, ĐVKD thực hiện thu phí tại mục L.III- Phí dịch vụ khác theo thỏa thuận với Khách hàng.